

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG CÔNG THÁI

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ ĐẾN
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. BÙI QUANG BÌNH

Phản biện 1: PGS. TS. ĐÀO HỮU HÒA

Phản biện 2: TS. ĐỖ THỊ NGA

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển họp tại Đắc Lắc vào ngày 18 tháng 9 năm 2016

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế của tỉnh Đắk Lắk đã được duy trì liên tục trong 15 năm từ 2000 - 2014, tỷ lệ tăng trưởng GDP luôn duy trì khá cao, trung bình khoảng 8.6%. Số liệu thống kê cho thấy tăng trưởng của ba ngành mạnh nhất là 2000 - 2010. Trong tăng trưởng vai trò của các ngành phi nông nghiệp và kinh tế ngoài nhà nước ngày càng rõ nét. Nhưng tăng trưởng GDP đang chậm dần. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng của ngành nông lâm thủy sản có giảm, tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng dần. Tuy vậy có thể thấy nền kinh tế tăng trưởng vẫn nhờ khai thác các nhân tố chiều rộng và dựa vào các ngành thâm dụng tài nguyên thiên nhiên như nông nghiệp, công nghiệp điện và chế biến nông sản.

Trong giai đoạn 2000 - 2014, nền kinh tế Đắk Lắk đã huy động được lượng vốn khá lớn vào tăng trưởng kinh tế. Nguồn vốn cũng được sử dụng có hiệu quả trong tăng trưởng kinh tế. Trong các nguồn vốn thì nguồn đầu tư ngoài nhà nước vẫn là nguồn đầu tư chủ yếu trong nền kinh tế và nguồn vốn từ nhà nước vẫn còn khá quan trọng với nền kinh tế. Ở đây, đang từng bước thay đổi xu hướng đầu tư vốn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên và kinh tế nhà nước. Tuy nhiên tiềm năng vốn trong nền kinh tế còn khá lớn nhưng chưa được khai thác và huy động cho tăng trưởng kinh tế.

Để phát huy tốt vai trò của vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk trong điều kiện nguồn lực này ngày càng hạn hẹp và khó huy động hơn cũng như để có một nghiên cứu về tác động của nguồn lực này tới tăng trưởng kinh tế của một địa phương cần thiết phải có một nghiên cứu về chủ đề này. Đó chính là lý do để học viên

lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk*” cho luận văn cao học của mình.

2. Mục tiêu của đề tài

3. Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài phải trả lời câu hỏi:

- Vốn đầu tư đang có tác động thế nào tới tăng trưởng của tỉnh Đắk Lắk như thế nào?

- Cần điều chỉnh chính sách huy động và sử dụng vốn của tỉnh Đắk Lắk thế nào?

4. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là Tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk

Phạm vi nội dung: *Vốn ở đây chỉ là vốn đầu tư để tạo ra vốn sản xuất hay vốn vật chất.*

Phạm vi không gian: Tỉnh Đắk Lắk.

Phạm vi thời gian: số liệu thu thập từ 2000 tới 2014. Thời gian phát huy các hàm ý chính sách từ 2016 đến 2022

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau trong nghiên cứu do tính phức tạp của đề tài.

Đầu tiên là nghiên cứu tài liệu và tiếp theo sẽ tiến hành khảo sát thực tế để hình thành khung lý thuyết cho nghiên cứu.

Trên cơ sở khung lý thuyết đó, học viên sẽ tiến hành thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu.

Tiến hành đánh giá và viết báo cáo

Các phương pháp phân tích và thu thập số liệu sẽ được trình bày kỹ ở chương 2 của nghiên cứu dưới đây.

6. Bố cục của luận văn

Chương 1. Tổng quan lý luận có liên quan tới tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế.

Chương 2. Giới thiệu về địa bàn và phương pháp nghiên cứu.

Chương 3. Thực trạng tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk

Chương 4. Bàn luận và hàm ý chính sách.

7. Tổng quan nghiên cứu

Trong luận văn, tổng quan các nghiên cứu được trình bày thành một chương riêng là chương 1 nên ở đây xin không trình bày.

CHƯƠNG 1

KHUNG LÝ THUYẾT VỀ TÁC ĐỘNG CỦA VỐN

TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN

1.1.1. Tổng quan các tài liệu ở nước ngoài

1.1.2. Tổng quan các nghiên cứu ở Việt Nam

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.2.1. Lý luận về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Trong nhiều nghiên cứu kinh tế, các tác giả phần lớn đều cho rằng tăng trưởng kinh tế là một phạm trù kinh tế, nó phản ánh quy mô tăng lên hay giảm đi của nền kinh tế ở năm này so với năm trước đó hoặc của thời kỳ này so với thời kỳ trước đó. Tăng trưởng kinh tế có thể biểu hiện bằng qui mô tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng. Qui mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng lên hay giảm đi nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng được sử dụng với ý nghĩa so sánh tương đối

và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm của nền kinh tế giữa năm hay các thời kỳ. Để đo lường tăng trưởng kinh tế người ta thường dùng hai chỉ số chủ yếu: phân tăng, giảm quy mô của nền kinh tế (tính theo GDP), hoặc tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GDP).

Đo lường tăng trưởng kinh tế

Các chỉ tiêu tổng quát: Các chỉ tiêu phản ánh giá trị tăng trưởng kinh tế theo hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) bao gồm: tổng giá trị sản xuất (GO), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng thu nhập quốc dân (GNI), thu nhập quốc dân (NI), tổng sản phẩm tính bình quân đầu người. Trong đó chỉ tiêu GDP thường là chỉ tiêu quan trọng và hay được sử dụng nhất.

Các công thức đo lường tăng trưởng kinh tế: Tăng trưởng kinh tế có thể biểu thị bằng số tuyệt đối (qui mô tăng trưởng) hoặc số tương đối (tốc độ tăng trưởng)

Tầm quan trọng của tăng trưởng

- Trước hết, tăng trưởng kinh tế là điều kiện quyết định thúc đẩy sự phát triển kinh tế của quốc gia.
- Thứ hai, tăng trưởng cho phép giải quyết các vấn đề xã hội.
- Thứ ba, tăng trưởng bền vững sẽ góp phần bảo vệ môi trường.
- Thứ tư, tăng trưởng là cơ sở để phát triển giáo dục và khoa học công nghệ.

1.2.2. Lý luận về tác động của vốn đầu tư với tăng trưởng kinh tế

Vai trò của vốn với tăng trưởng đều đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu kinh tế học. Vai trò của vốn với tăng trưởng kinh tế cũng được khẳng định trong Lý thuyết về mô hình tăng trưởng Tân cổ điển. Theo lý thuyết này muốn tăng trưởng cần phải tích lũy vốn

sản xuất. Khi cho tỷ lệ tiết kiệm tăng lên thì trạng thái dừng thay đổi và tăng trưởng

Nhưng vai trò của vốn không chỉ trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế mà vốn còn có vai trò lớn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và giảm nghèo... Đây là những nội dung mà muốn duy trì tăng trưởng kinh tế dài hạn cũng phải bảo đảm các nội dung này phải được đảm bảo. Thực tiễn tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Việt Nam kể từ khi cải cách mở cửa đều đã chứng minh tầm quan trọng của vốn. Như vậy cả lý luận và thực tiễn đều đã chứng tỏ tầm quan trọng của vốn tới tăng trưởng kinh tế. Hay nói cách khác vốn có tác động rất lớn tới tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

1.3. GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH KINH TẾ

1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Từ khung lý thuyết trên, để nghiên cứu cho địa bàn tỉnh Đắk Lắk, nghiên cứu này có một số giả thuyết cần làm rõ sau:

+ Giả thuyết 1: Vốn có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk trong ngắn hạn;

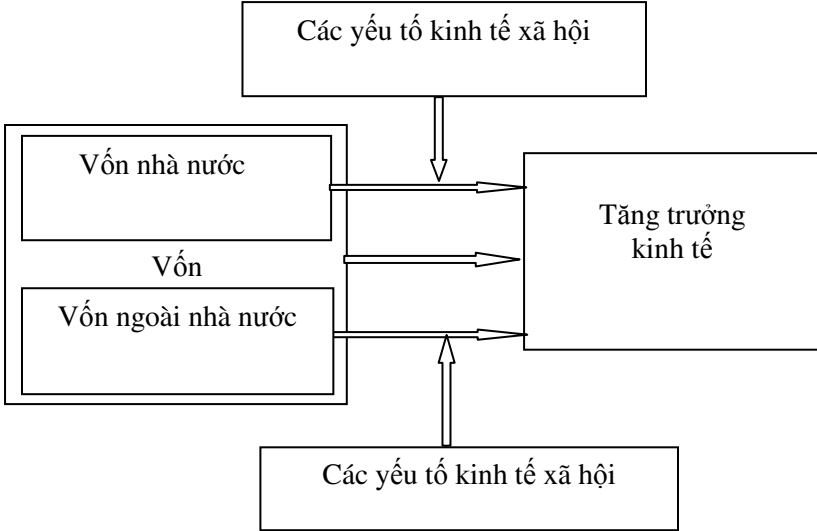
+ Giả thuyết 2: Vốn đầu tư nhà nước và ngoài nhà nước có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk trong ngắn hạn.

1.3.2. Mô hình kinh tế

Từ tổng quan tài liệu và cơ sở lý luận ở phần trên và để làm rõ các giả thuyết trên cần phải có mô hình kinh tế về mối quan hệ này.

Rõ ràng tăng trưởng kinh tế được biểu hiện bằng tăng trưởng sản lượng hay GDP phụ thuộc vào quy mô vốn sản xuất. Lượng vốn sản xuất thay đổi tùy thuộc vào quá trình tích lũy để đầu tư. Đầu tư hàng năm sẽ làm gia tăng vốn sản xuất của nền kinh tế qua đó quyết định sản lượng. Nguồn tích lũy cho đầu tư có thể từ nguồn của nhà

nước hay khu vực công và nguồn của ngoài nhà nước như của doanh nghiệp tư nhân, các nhân hay các nhà đầu tư nước ngoài. Tác động từ vốn sẽ được thể hiện ở mô hình trên trong hình 1.1.



Hình 1.1. Mô hình kinh tế về tác động của vốn tới TTKT

(Nguồn: Của Tác giả)

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. GIỚI THIỆU VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế

2.1.3. Đặc điểm về xã hội

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2.1. Phương pháp phân tích

a. Phương pháp phân tích tăng trưởng kinh tế

Trong nghiên cứu này sẽ xử dụng nhiều phương pháp khác

nhau để đạt được các mục tiêu đề ra.

Phương pháp phân tích và đánh giá xu hướng tăng trưởng kinh tế.

Phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT)

b. Phương pháp phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế

Phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế có thể áp dụng những phương pháp khác nhau.

(1) Phương pháp phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế thông qua hệ số ICOR

(2) Phương pháp phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế bằng phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân

(3) Tác động vào tăng trưởng kinh tế của các loại vốn theo mô hình tăng trưởng tân cổ điển

(4) Ngoài ra tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế còn có thể được xem xét thông qua tác động tới việc làm hay một số chỉ tiêu khác.

Tác động của vốn tới việc làm sẽ được xem xét qua hệ số co giãn giữa việc làm và tăng trưởng vốn. Đây là phương pháp đã được sử dụng khá nhiều trong phân tích kinh tế.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Từ đối tượng nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu đã nêu ở trên là cơ sở để xác định phương pháp thu thập số liệu cần thiết. Đó là phương pháp thu thập số liệu thứ cấp.

Số liệu thứ cấp của nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Số liệu của đề tài chủ yếu được hình thành từ Niên giám thống kê, được ban hành và công bố hàng năm bởi Cục Thống kê tỉnh tỉnh Đắk Lắk. Ngoài ra đề tài còn sử dụng số liệu từ các cơ quan

quản lý của địa phương như Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn... Do vậy tính pháp lý và độ tin cậy có thể chấp nhận được.

Số liệu tăng trưởng GDP của tỉnh sẽ được chuyển về giá cố định 2010 theo hướng dẫn của Tổng cục thống kê. Vốn đầu tư ở đây là vốn đầu tư phát triển. Trong Niên giám thống kê chỉ tiêu này thường được tính theo giá hiện hành nên học viên đã chuyển sang giá cố định bằng sử dụng phương pháp điều chỉnh theo chỉ số điều chỉnh giá. Trên cơ sở số liệu vốn đầu tư theo ngành và theo thành phần kinh tế để tách ra. Từ vốn đầu tư sẽ tính được khối lượng vốn sản xuất được xác định như sau. Theo kinh nghiệm trong khoảng thời gian ngắn và với nền kinh tế trong giai đoạn bắt đầu công nghiệp hóa thì khối lượng vốn sản xuất năm đầu tiên được giả định bằng 0.9 của VA năm tương ứng. K của năm tiếp theo sẽ bằng K năm tiếp theo trừ khấu hao và cộng lượng đầu tư của năm đầu (Mankiw (2000)).

Khoảng thời gian của số liệu sẽ từ năm 2000 tới năm 2014.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

3.1.1. Tình hình tăng trưởng GDP, giá trị gia tăng các ngành và khu vực kinh tế

Tỷ lệ tăng trưởng GDP luôn duy trì khá cao, trung bình khoảng 8.6%, năm 2007 cao nhất là 17.1% và thấp nhất là năm 2012 chỉ đạt 2.7%. Nhìn chung tăng trưởng GDP được duy trì liên tục trong 15 năm, nhưng có độ biến động cao giữa các năm và xu hướng tăng trưởng đã chậm dần. Điều này cũng cần phải xem xét và phân tích kỹ để có những đánh giá cũng như rút ra những bài học cho giai

đoạn tiếp theo. Số liệu thống kê cho thấy cả ba ngành chính của nền kinh tế đều có mức tăng trưởng khá cao, đặc biệt là các ngành phi nông nghiệp. Trong đó giai đoạn tăng trưởng mạnh nhất là 2000 - 2010. Giai đoạn 2011 -2014 do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế Việt Nam nên tăng trưởng các ngành ở đây cũng giảm theo, tuy nhiên năm 2014 tăng trưởng của các ngành đều có dấu hiệu phục hồi.

Quy mô GDP của kinh tế ngoài nhà nước lớn hơn nhiều so với khu vực nhà nước. Xu hướng tăng trưởng GDP của kinh tế ngoài nhà nước cũng cao và ổn định hơn so với kinh tế nhà nước. Trong khi GDP của khu vực kinh tế nhà nước tuy tăng trưởng nhưng không ổn định và chậm dần. Tình hình này cho thấy kinh tế ngoài nhà nước ngày càng có vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Lắk.

Nhìn chung tăng trưởng GDP của tỉnh Đắk Lắk khá cao và duy trì trong suốt 15 năm qua. Trong tăng trưởng vai trò của các ngành phi nông nghiệp và kinh tế ngoài nhà nước ngày càng rõ nét. Nhưng tăng trưởng GDP đang chậm dần.

3.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Đắk Lắk, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ khá cao tiếp đó là ngành dịch vụ, ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng còn thấp. Trong 15 năm qua, tỷ trọng của ngành nông lâm thủy sản có giảm từ 78.9% năm 2000 xuống còn 42.1% năm 2014 (-36.8%), mức giảm này khá cao. Tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng đã tăng từ 7.9% lên 15.8% (+ 8%) trong khoảng thời gian này. Tương tự, tỷ trọng của dịch vụ tăng từ 13.2% lên 42.1% tức tăng 26.8%. Thực trạng cơ cấu này thêm thông tin cho thấy vai trò của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế này.

Những thay đổi này đã thể hiện xu thế chuyển dịch kinh tế từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

Số liệu thống kê về GDP theo thành phần kinh tế của tỉnh tỉnh Đắk Lắk được thể hiện trên hình 3.5. Tỷ trọng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước vẫn chiếm đa số và tăng dần trong 15 năm qua. Năm 2000, tỷ trọng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 70.3% thì năm 2014 là 75.1%. Trong thời gian này tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước từ 29.7% đã giảm xuống còn 24.9%. Cơ cấu này cũng hàm ý rằng kinh tế ngoài nhà nước đang và sẽ còn đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh Đắk Lắk. Nhưng với việc tỷ trọng của kinh tế nhà nước của tỉnh Đắk Lắk vẫn còn khá cao so với cả nước đang là vấn đề lớn cần phải xem xét và có những điều chỉnh cần thiết đặc biệt phải đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa doanh nghiệp nhà nước ở đây.

Về phân bố lao động

Tình hình phân bố lao động vào các ngành kinh tế của tỉnh Đắk Lắk thể hiện rằng Ngành nông lâm thủy sản là ngành có tỷ lệ lao động được phân bố cao nhất trong ba ngành và hiện vẫn chiếm 67%. Ngành dịch vụ chiếm thứ hai hiện là 22.5%. Ngành công nghiệp xây dựng có tỷ lệ thấp nhất. Xu thế thay đổi tỷ lệ phân bố lao động những năm qua trên hình 3.7 cho thấy tỷ lệ phân bố cho ngành nông lâm thủy sản giảm dần từ 89.9% năm 2000 xuống mức 67% năm 2014 hay giảm 22.9%. Trong thời gian này tỷ lệ lao động phân bố cho ngành dịch vụ tăng từ 6.3% lên 22.5% tức tăng 16.2%, tỷ trọng lao động được phân bố cho ngành công nghiệp - xây dựng đã tăng được 6.7%.

Đa số lao động của nền kinh tế được phân bố cho khu vực kinh tế ngoài nhà nước, hiện tỷ lệ này là trên 90%. Tỷ trọng lao động

phân bổ cho khu vực kinh tế nhà nước chỉ dưới 10%. Tuy rằng tỷ trọng phân bổ lao động cho kinh tế ngoài nhà nước có tăng nhưng đã chậm dần. Trong 15 năm qua, tỷ lệ này chỉ tăng chưa đầy 3%. Nhìn chung kinh tế ngoài nhà nước không chỉ đóng góp lớn vào tăng trưởng mà còn đóng góp lớn vào tạo ra việc làm cho lao động.

Về công nghệ trong tăng trưởng kinh tế

Trong nền kinh tế TFP của tỉnh đã có xu hướng tăng lên khá rõ điều này cũng hàm ý rằng công nghệ không ngừng được cải thiện ở đây. Tuy nhiên tăng trưởng và mức đóng góp vào tăng trưởng còn khiêm tốn. Giai đoạn 2001-2005 tỷ lệ đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP chỉ là hơn 1%, giai đoạn 2006-2010 đóng góp cao nhất tới 47%. Tính chung 15% mức đóng góp chỉ khoảng 15%.

Với kết quả này cho thấy nền kinh tế tăng trưởng vẫn nhờ khai thác các nhân tố chiều rộng và dựa vào các ngành thâm dụng tài nguyên thiên nhiên như nông nghiệp, công nghiệp điện và chế biến nông sản.

3.2. TÌNH HÌNH VỐN ĐẦU TƯ TRONG NỀN KINH TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Tình hình vốn đầu tư của tỉnh Đắk Lắk được thể hiện trên hình 3.9. Số liệu cho thấy lượng vốn theo giá 2010 đã tăng liên tục trong những năm qua. Từ gần 4500 tỷ năm 2000 tăng lên 9000 tỷ năm 2010 và khoảng 9600 tỷ năm 2014. Tăng trưởng vốn đầu tư tuy không đều nhưng vẫn đạt mức trung bình hàng năm là gần 6%. Trong khi tăng trưởng kinh tế cao và ổn định hơn. Nếu so sánh tỷ lệ vốn so với GDP thì tỷ lệ này có xu hướng giảm dần, năm 2000 là 36% thì năm 2010 chỉ còn 30% và năm 2014 là 24%. Tỷ lệ này so với cả nước thấp hơn khá nhiều. Nhưng trong điều kiện khó khăn về nguồn hiện nay thì đây là sự nỗ lực lớn của tỉnh trong huy động

nguồn lực. Những thông tin này cũng hàm chứa rằng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ở nền kinh tế này khá cao. Điều này ngược với tình hình của cả nước.

Tình hình nguồn vốn đầu tư của tỉnh Đắk Lắk cho thấy cả hai nguồn từ nhà nước và ngoài nhà nước đều tăng và thể hiện qua hai đường xu hướng đều dốc lên.

Số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ vốn đầu tư của nền kinh tế này cho ngành nông lâm thủy sản chiếm đa số trong giai đoạn từ 2000-2006, giai đoạn sau đã giảm nhiều chỉ còn khoảng trên 30%. Tỷ lệ này tuy vậy vẫn còn cao hơn của Việt Nam nhiều vì hiện tại chỉ còn khoảng dưới 10%. Tỷ trọng vốn dành cho công nghiệp xây dựng có tăng nhưng cũng chỉ đạt 27% năm 2014 tức tăng lên 20% sau 15 năm. Tỷ trọng vốn đầu tư dành cho ngành dịch vụ đã tăng 30 % trong 15 năm, từ mức 11% năm 2000 lên 41% năm 2014.

Việc phân bổ vốn đầu tư cho các ngành kinh tế ở đây cho thấy đã có những thay đổi trong xu hướng đầu tư từ tập trung cho nông lâm nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Xu thế này là tất yếu trong quá trình phải thay đổi định hướng phát triển của nền kinh tế này, dần từng bước giảm dần sự phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên.

Tỷ lệ phân bổ vốn sản xuất trong nền kinh tế này cơ bản cũng thể hiện xu thế giảm dần. Tuy tỷ trọng của các doanh nghiệp ngoài nhà nước đã tăng nhưng vẫn còn thấp trong khi của khu vực các doanh nghiệp nhà nước vẫn cao. Điều này cũng hàm ý rằng tiềm năng của khu vực ngoài nhà nước về vốn còn rất lớn và địa phương cần phải có nhiều chính sách và biện pháp để khơi thông dòng đầu tư từ đây.

3.3. TÁC ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ TỐI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

3.3.1. Tác động tới tăng trưởng kinh tế của vốn đầu tư theo mức đầu tư cho 1 đồng tăng trưởng kinh tế

Vì nghiên cứu này dựa vào số liệu thời gian trong khoảng 15 năm nên thông qua hệ số này cũng có thể đánh giá tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế. Ý nghĩa kinh tế của hệ số này chính là chi phí của đầu tư cho tăng trưởng kinh tế.

Mỗi đồng vốn đầu tư và nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk dường như đang tác động mạnh hơn so với mặt bằng chung của Việt Nam. Số liệu ở hình trên hình 3.12 cho thấy mỗi đồng đầu tư vào nền kinh tế của tỉnh Đắk Lắk sẽ tạo ra nhiều đồng tăng trưởng GDP hơn so với mức chung của nền kinh tế Việt Nam. Năm 2001, cứ 3.79 đồng đầu tư vào nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk đem tới 1 đồng tăng trưởng GDP trong khi của Việt Nam là gần 4.7 đồng. Năm 2010, cần 2.2 đồng đầu tư vào nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk để có 1 đồng tăng trưởng trong khi của Việt Nam là 6.68 đồng. Năm 2014 thì của tỉnh Đắk Lắk là 4.02 đồng và của Việt Nam là 4.3. Trung bình giai đoạn 2000-2014 thì chi phí cho một đồng tăng trưởng của tỉnh Đắk Lắk là 3.55 và Việt Nam 5.27.

Tác động của mỗi đồng đầu tư vào nền kinh tế sẽ phụ thuộc vào hiệu quả đầu tư vào các ngành kinh tế. Tình hình này được thể hiện trên hình 3.13. Những diễn biến này thể hiện mỗi đồng tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk cần phải đầu tư ở mức cao hơn so với các ngành khác và nền kinh tế. Tình trung bình 2000-2014, để có 1 đồng tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp cần tới 6.26 đồng đầu tư trong khi nền kinh tế chỉ cần 3.55 đồng. Trong thời gian này, mỗi đồng tăng trưởng giá

trị gia tăng ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ của tỉnh Đắk Lắk cần phải đầu tư ở mức thấp hơn so với nền kinh tế. Mức này của ngành công nghiệp xây dựng là 2.83 và dịch vụ là 2.25 đồng.

Như vậy tác động của mỗi đồng đầu tư vào nông lâm thủy sản thấp hơn so với các ngành kinh tế khác. Do tỷ trọng của ngành này cao trong giai đoạn 2000 - 2006 nên giai đoạn này tác động đầu tư vào đây kéo mức tác động của đầu tư chung giảm. Trong khi hai ngành còn lại tác động mạnh trong giai đoạn sau.

3.3.2. Đánh giá tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế theo tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế

Ở đây sẽ sử dụng kết quả ước lượng hệ số α : Hệ số co dãn từng phần của GDP theo vốn sản xuất với giả định L không đổi, β : Hệ số co dãn từng phần của GDP theo lao động với giả định K không đổi của Trung tâm Năng suất Việt Nam năm 2015 của Bộ Khoa học và công nghệ với giả định nền kinh tế tuân theo hàm sản xuất có lợi suất không đổi theo quy mô. Theo đó $\alpha = 0.36$ và $\beta = 0.64$. Từ đó sẽ tính được đóng góp của vốn đầu tư vào tăng trưởng kinh tế.

Nếu thông qua mức đóng góp của vốn đầu tư vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Lắk sẽ thấy tác động của vốn rất lớn tới tăng trưởng GDP ở đây.

Khi sử dụng số liệu theo thành phần kinh tế sẽ cho phép đánh giá tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế. Dưới góc độ này sẽ cho phép nhìn nhận thêm về vai trò của vốn cũng như định hướng phân bổ và sử dụng nguồn lực này.

Số liệu trên bảng 3.4 cho thấy mức và tỷ trọng tăng trưởng GDP được tạo ra từ vốn đầu tư của các thành phần kinh tế của tỉnh Đắk Lắk về cơ bản giữa kinh tế nhà nước và ngoài nhà nước không có sự khác biệt lớn. Trong suốt 15 năm qua tỷ trọng trong 1% tăng

trường GDP của kinh tế ngoài nhà nước là gần 51% còn kinh tế nhà nước là 48,3%. Như vậy, với hai khu vực kinh tế này vốn vẫn có vai trò khá lớn.

Bảng 3.4. Mức và tỷ trọng tăng trưởng GDP được tạo ra từ vốn đầu tư của các thành phần kinh tế ở tỉnh Đắk Lắk

	Mức tăng trưởng GDP tuyệt đối được tạo ra từ vốn đầu tư		Tỷ trọng của vốn tạo ra trong 1% tăng trưởng GDP	
	KT Ngoài NN (%)	KT nhà nước (%)	KT Ngoài NN (%)	KT nhà nước (%)
2000-2005	4.74	5.51	67.00	63.03
2006-2010	3.75	4.71	29.80	38.76
2011-2014	2.34	2.77	18.72	46.82
2000-2014	3.66	4.39	50.79	48.36

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, Cục TK tỉnh Đắk Lắk)

Nhìn chung tác động của vốn đầu tư được đánh giá theo tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế đã khẳng định tác động là khá lớn trong suốt những năm qua.

3.3.3. Tác động vào tăng trưởng kinh tế của các loại vốn đầu tư theo mô hình tăng trưởng tân cổ điển

Khi ước lượng bằng OLS kết quả các kiểm định đều có ý nghĩa thống kê ở mức $< 0,05$ cụ thể:

Thứ nhất, qua kết quả phân tích sau $P(F) = 0,000 < 0,05$ nên có thể khẳng định tồn tại mối quan hệ giữa các biến và chấp nhận giả thiết hệ số hồi quy của các biến khác không. Tức là mô hình phù hợp.

Thứ hai, các kiểm định t với kết quả tại biểu Coefficients, tất cả các giá trị Sig. = p(t) tương ứng với các biến đều có ý nghĩa thống

kê ở mức 0,05.

Thứ ba, kiểm định Breusch - Pagan có $\text{Prob} > \chi^2 > 0,05$ mô hình không mắc phải hiện tượng phương sai không đồng nhất.

Thứ tư, các giá trị VIF gắn với các biến giải thích (biến độc lập) đều nhỏ hơn 10 cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến.

Thứ năm, hệ số Durbin - Watson đều nằm trong khoảng 1 đến 3 cho thấy mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

Thứ sáu, hệ số tương quan khoảng hơn 0,63-0,69 cho biết sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế được giải thích từ sự tác động của tăng trưởng vốn và lao động là khoảng từ 63-69%.

Như vậy vốn nhà nước và ngoài nhà nước tác động dương tới tăng trưởng kinh tế như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra.

3.3.4. Tác động của vốn tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Phần này sẽ sử dụng phương pháp đã trình bày ở chương 2 để phân tích. Số liệu được tổng hợp từ niên giám thống kê của Tỉnh.

Khi ước lượng bằng OLS kết quả các kiểm định đều có ý nghĩa thống kê ở mức $< 0,05$ cụ thể:

Thứ nhất, qua kết quả phân tích sau $P(F) = 0,000 < 0,05$ nên có thể khẳng định tồn tại mối quan hệ giữa các biến và chấp nhận giả thiết hệ số hồi quy của các biến khác không. Tức là mô hình phù hợp.

Thứ hai, các kiểm định t với kết quả tại biểu Coefficients, tất cả các giá trị $\text{Sig.} = p(t)$ tương ứng với các biến đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05.

Thứ ba, kiểm định Breusch - Pagan có $\text{Prob} > \chi^2 > 0,05$ mô hình không mắc phải hiện tượng phương sai không đồng nhất.

Thứ tư, các giá trị VIF gắn với các biến giải thích (biến độc

lập) đều nhỏ hơn 10 cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến.

Thứ năm, hệ số tương quan là 0.3171 cho biết sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế được giải thích từ sự tác động của tăng trưởng vốn và lao động là khoảng từ 31%.

Như vậy vốn có tác động kích thích CDCC kinh tế như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra. Hệ số hồi quy của biến vốn là -1.233647 cho biết nếu tăng trưởng vốn tăng 1% thì tỷ trọng lao động trong nông nghiệp sẽ giảm 1.233647% với giả định các nhân tố khác không đổi. Hệ số hồi quy của biến tăng trưởng kinh tế là -4.507276 hàm ý rằng nếu tăng trưởng vốn nhà ngoài nước tăng 1% thì tỷ trọng lao động trong nông nghiệp sẽ thay đổi -4.507276 % với giả định các nhân tố khác không đổi.

Kết quả này cũng cho thấy vốn đầu tư có tác động yếu hơn tăng trưởng.

3.3.5. Tác động của vốn tới việc làm

Co dẫn việc làm theo vốn đầu tư của tỉnh Đắk Lắk được thể hiện trên bảng 3.8.

Bảng 3.8. Ảnh hưởng của vốn tới việc làm ở tỉnh Đắk Lắk

	% TT vốn	% TT VL	Hệ số co dẫn
2000-2005	5.19	3.12	0.60
2006-2010	12.14	3.23	0.27
2011-2014	1.65	3.10	1.88
2000-2014	5.57	3.12	0.56

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk,

Cục TK tỉnh Đắk Lắk)

Từ số liệu trên bảng cho thấy trong giai đoạn 2000 - 2005 cứ

1% tăng trưởng vốn thì việc làm sẽ tăng 0.6%. Giai đoạn 2006-2010 khi 1% tăng trưởng vốn thì việc làm sẽ tăng 0.27%, và giai đoạn 2011-2014 hệ số này là 1.88. Rõ ràng giai đoạn 2011-2014 vốn thúc đẩy tăng trưởng việc làm. Trong suốt 15 năm qua nếu vốn đầu tư tăng 1% thì việc làm sẽ tăng 0.56%.

Nếu dựa vào số liệu của ngành cho thấy trong giai đoạn 2000-2014, đầu tư vào ngành nông lâm thủy sản không tạo thêm việc làm, hệ số co dãn là -0.69. Trong khi đầu tư vào các ngành phi nông nghiệp sẽ tạo ra việc làm. Cụ thể vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp tăng 1% thì việc làm trong ngành này tăng thêm 0.65%. Trong ngành dịch vụ thì cứ vốn đầu tư tăng 1% thì việc làm ở đây tăng 0.8%.

Bảng 3.9. Ảnh hưởng của vốn tới việc làm trong các thành phần kinh tế ở tỉnh Đắk Lắk

	Hệ số con dãn việc làm theo vốn đầu tư	
	Kinh tế nhà nước	Kinh tế Ngoài nhà nước
2000-2005	4.077	0.371
2006-2010	-0.019	0.266
2011-2014	1.357	1.025
2000-2014	0.327	0.441

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, Cục TK tỉnh Đắk Lắk)

Tác động của vốn đầu tư tới việc làm mới trong các thành phần kinh tế ở tỉnh Đắk Lắk thể hiện trên bảng 3.9. Từ đây có thể thấy, vốn đầu tư vào khu vực kinh tế nhà nước tạo ra ít việc làm hơn so với khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Hệ số co dãn việc làm theo

vốn của khu vực kinh tế nhà nước là 0.327 cho biết vốn đầu tư vào khu vực kinh tế này tăng 1% sẽ làm tăng 0.327% việc làm . Trong khi hệ số này của kinh tế khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 0.441 hay vốn đầu tư vào khu vực kinh tế này tăng 1% sẽ tăng việc làm thêm 0.441%.

Như vậy đầu tư vào kinh tế ngoài nhà nước và các ngành phi nông nghiệp sẽ tạo ra nhiều việc làm hơn. Điều này cũng thể hiện sự thống nhất với các kết quả đã phân tích tác thực trạng ở trên.

CHƯƠNG 4

BÀN LUẬN VÀ CÁC HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Từ kết quả phân tích trên đây có thể có các bàn luận và các hàm ý chính sách sau

4.1. BÀN LUẬN

Thứ nhất; Tăng trưởng GDP của tỉnh Đắk Lắk khá cao và duy trì trong suốt 15 năm qua nhưng đã chậm lại. Động lực của tăng trưởng là các ngành phi nông nghiệp và kinh tế ngoài nhà nước. Tăng trưởng kinh tế dựa trên một cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn dựa khá nhiều vào khai thác tài nguyên và các nhân tố chiều rộng, các nhân tố chiều sâu chưa được tập trung khai thác.

Thứ hai, Vốn đầu tư đã được huy động khá lớn vào tăng trưởng kinh tế. Nguồn vốn cũng đã được sử dụng có tương đối hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Trong các nguồn vốn, nguồn đầu tư ngoài nhà nước vẫn là nguồn đầu tư chủ yếu trong nền kinh tế và nguồn vốn từ nhà nước vẫn còn khá quan trọng với nền kinh tế. Phân bổ vốn chủ yếu cho khu vực dịch vụ và công nghiệp, tỷ lệ dành cho nông nghiệp khá thấp. Hiệu quả đầu tư đang giảm dần, nhất là khu vực dịch vụ. Riêng trong ngành công nghiệp, đã huy động, phân

bổ lượng vốn thích đáng để phát triển ngành công nghiệp, qua đó khai thác các tiềm năng cho phát triển kinh tế của tỉnh.

Thứ ba; Tác động của mỗi đồng vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế mạnh hơn so với tác động này của cả nước. Với đặc thù của mình, mỗi đồng đầu tư vào các ngành phi nông nghiệp và khu vực kinh tế ngoài nhà nước có tác động mạnh hơn so với đầu tư vào nông nghiệp và kinh tế nhà nước. Tuy nhiên tiềm năng để mở rộng và tăng thêm mức tác động còn khá lớn vì hiệu quả sử dụng vốn còn có thể tăng thêm. Điều này cũng đòi hỏi cần có những thay đổi và điều chỉnh định hướng đầu tư cho nền kinh tế này trong những năm tới nhất là trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang được tái cấu trúc lại.

Thứ tư; Tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế theo tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng của nền kinh tế này vẫn khá cao nhưng vẫn thấp hơn mặt bằng chung của Việt Nam, phù hợp với một nền kinh tế đang trong quá trình công nghiệp hóa. Có sự khác biệt nhất định giữa tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế theo tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng của các thành phần kinh tế. Tác động của vốn đầu tư với tăng trưởng kinh tế của thành phần kinh tế ngoài nhà nước mạnh hơn so với kinh tế nhà nước. Điều này cũng phù hợp với hiệu quả đầu tư của hai khu vực này. Đây cũng là những gợi ý để có những thay đổi định hướng đầu tư trong nền kinh tế.

Thứ năm; kết quả ước lượng cho thấy tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng theo nguồn nhà nước và ngoài nhà nước cùng với các nhân tố sản xuất khác như lao động là tác động thuận hay kích thích tăng trưởng kinh tế. Nhưng kết quả này cũng cho thấy tác động từ tăng trưởng vốn đầu tư của kinh tế nhà nước mạnh hơn so với kinh tế ngoài nhà nước. Điều này chỉ có thể được giải thích bằng tác động

lan tỏa của vốn đầu tư của kinh tế nhà nước thông qua tạo ra kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật cho nền kinh tế và giải quyết những lĩnh vực kinh tế khó khăn nhằm hỗ trợ cho kinh tế ngoài nhà nước.

Thứ sáu; Vốn đầu tư có tác động tích cực tới thúc đẩy CDCC kinh tế qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Điều này cũng cho thấy việc sử dụng vốn đã góp phần tạo ra nhiều việc làm từ khu vực phi nông nghiệp qua đó thúc đẩy CDCC lao động ở đây.

Thứ bảy; Tác động của vốn đầu tư tới việc làm của nền kinh tế tỉnh tỉnh Đắk Lắk là khá mạnh. Trong xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế những năm qua đã được hỗ trợ bởi việc làm được tạo ra nhiều hơn nhờ vốn đầu tư vào các ngành kinh tế phi nông nghiệp như công nghiệp xây dựng và dịch vụ. Điều này cũng cho thấy hiệu quả đầu tư phát triển của nền kinh tế này tới việc làm và thúc đẩy tăng trưởng. Đồng thời tác động của vốn đầu tư vào kinh tế ngoài nhà nước cũng đang tạo ra nhiều việc làm hơn so với kinh tế nhà nước. Do đó cần thiết duy trì xu thế này trong những năm tới.

4.1. CÁC HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Có thể rút ra các hàm ý chính sách sau:

Thứ nhất; Tập trung phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk đạt ngang bằng với mặt bằng chung của cả nước. Chỉ nên duy trì ổn định tăng trưởng kinh tế khoảng 7% tùy theo điều kiện của mình, không nên chạy theo phong trào và sự nôn nóng tăng trưởng nhanh hơn khả năng. Trong đó khai thác tốt các tiềm năng để thúc đẩy sự tăng trưởng của công nghiệp chế biến và ổn định, tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng chung. Cần thiết điều chỉnh cách thức tạo ra tăng trưởng theo hướng thúc đẩy chuyển từ chủ yếu gia tăng sản lượng nền kinh tế theo chiều rộng sang gia tăng sản lượng hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng,

hiệu quả, tính bền vững. Muốn vậy cần thiết: (i) Tập trung tăng trưởng theo hướng khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên, lao động và khả năng tích lũy vốn của chính vùng. Quản lý chặt chẽ việc khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, gắn quản lý bảo vệ khai thác và sử dụng. Khai thác tốt tiềm năng lao động, chuyển từ lao động giá rẻ sang lao động có trình độ cao trên cơ sở tập trung phát triển nguồn nhân lực. Sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả gắn với khả năng của nền kinh tế, định hướng đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thâm dụng lao động và từng bước chuyển dần tới thâm dụng công nghệ; (ii) Tổ chức lại sản xuất của các lĩnh vực kinh tế, không gian lãnh thổ cho phù hợp với điều kiện của các tỉnh thành của Đăk Lăk. Tạo ra cơ chế phân bổ nguồn lực đầu vào hợp lý để đạt hiệu quả cao khi khai thác và tạo đầu ra sản lượng với cấu trúc hợp lý và hiện đại. (iii) Kích thích sức mua của thị trường trên cơ sở cải thiện và nâng cao thu nhập của người dân đặc biệt là khu vực nông thôn; mở rộng hệ thống cung cấp hàng hóa cho khu vực nông thôn và thực hiện tốt chương trình “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

Thứ hai; cần có những điều chỉnh để có thể huy động các nguồn vốn đầu tư vào nền kinh tế.

Trong điều kiện hiện nay, phát huy nguồn vốn từ địa phương và các thành phần kinh tế, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn của Trung ương; đồng thời, kiến nghị Nhà nước có cơ chế thúc đẩy tính tự chủ của tỉnh trong huy động nguồn lực của địa phương để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội ở đây, giảm dần sự phụ thuộc vào Trung ương.

Với điểm xuất phát còn thấp, nền kinh tế có tích lũy thấp dẫn đến năng suất và thu nhập thấp. Nếu không có những “cú hích” từ bên ngoài thì nền kinh tế sẽ rơi vào “vòng luẩn quẩn”. Vì vậy, phải

tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, trong cơ cấu đầu tư, tỷ trọng vốn ngoài nhà nước còn thấp. Nâng cao hiệu quả huy động các nguồn vốn cho đầu tư có ý nghĩa quan trọng. Về nguyên tắc, việc huy động nguồn vốn do hiệu quả đầu tư và thị trường quyết định. Các chính sách của nhà nước sẽ tác động đến việc quy hoạch, định hướng, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng và các cơ chế khuyến khích, tạo môi trường thân thiện để thu hút đầu tư, đây là khâu đột phá có tính quyết định để phát triển.

Việc đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội là điều kiện cần thiết cho thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Nâng cao khả năng đáp ứng và chất lượng của các khu công nghiệp địa phương; mở rộng và nâng chất lượng hệ thống giao thông; giảm chi phí đồng thời với nâng cao độ tin cậy của các dịch vụ công phục vụ nhân dân và doanh nghiệp; mở rộng hệ thống song song với nâng cao chất lượng đáp ứng của công nghệ thông tin và truyền thông. Trước mắt, nên cần tập trung nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng giao thông, hệ thống đường nối giữa quốc lộ và đường biên giới để thu hút đầu tư du lịch. Hoàn thiện hạ tầng một số khu, cụm CN đang hoạt động hiệu quả. Đầu tư xây dựng các đô thị có điều kiện và lợi thế làm hạt nhân. Đẩy nhanh các công trình phúc lợi phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp; có cơ chế dành quỹ đất để các nhà đầu tư xây dựng nhà ở, các công trình phúc lợi khác cho chuyên gia, người lao động...

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến đầu tư để thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước và FDI. Tổ chức giới thiệu, quảng bá hai dự án lớn được Chính phủ đưa vào danh mục kêu gọi đầu tư cấp quốc gia trên địa bàn, đó là, trường đạo tạo nghề chất lượng cao. Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu

tư của tỉnh. Đồng thời kiên quyết thu hồi các dự án không có năng lực triển khai. Có chính sách hỗ trợ, động viên các nhà đầu tư lớn tại các khu công nghiệp đang làm ăn hiệu quả tiếp tục mở rộng đầu tư. Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn viện trợ phát triển, các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế trong phòng chống thiên tai, phát triển bền vững, giảm nghèo... để lồng ghép đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình y tế, giáo dục và dạy nghề. Có cơ chế tăng cường hợp tác công - tư (PPP) để huy động và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Thực hiện các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh như lãi suất, đào tạo, thông tin nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư sản xuất...

Thứ ba; Hoàn thiện và điều chỉnh phân bổ, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả hơn.

Xác định được ngành, lĩnh vực, vùng có tăng trưởng cao, độ lan tỏa lớn để đầu tư.

Vừa tập trung thu hút một số dự án lớn có tính đột phá về giá trị tổng sản phẩm đồng thời thu hút các ngành có thể giải quyết việc làm, phát triển nông thôn.

Thứ tư; nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước

Thứ năm; với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cần quản lý chặt từ ngay khâu đầu lập dự án, trình độ công nghệ và các chi phí liên quan tới mua sắm trang thiết bị để tránh chuyen giá.